

BIỂU CHI TIẾT

Thực hiện nhiệm vụ đột xuất, phát sinh về phân bổ, điều chỉnh các nguồn kinh phí từ sau kỳ họp thường lệ thứ Tư, đến trước kỳ họp thứ Năm, nhiệm kỳ 2021-2026 HĐND huyện

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /7/2022 của UBND huyện Yên Thế)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ/phê duyệt phương án của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Số đề nghị PB, ĐC tăng, giảm; chuyển nguồn và PA chuyển nguồn kỳ	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ			556.697.219.827	282.770.292.657	
*	NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH 2021			77.020.888.500	43.482.649.000	
I	Phân bổ nguồn kinh phí thu hồi dự toán cấp huyện tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện			2.281.189.000	2.175.500.000	
1	Bổ sung kinh phí hoạt động Văn phòng Huyện ủy năm 2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Văn phòng Huyện ủy	500.000.000	500.000.000	
2	Bổ sung cho Văn phòng HĐND và UBND huyện kinh phí các nhiệm vụ phát			1.144.689.000	1.039.000.000	
-	Kinh phí Cung cấp dịch vụ phần mềm họp trực tuyến cho các điểm cầu cấp xã, thị trấn năm 2020	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	77.900.000	77.000.000	
-	Kinh phí Trồng, cắt tỉa cây, vét rãnh thoát nước khuôn viên UBND huyện	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	255.437.000	180.000.000	
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, nhà ăn UBND huyện	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	220.250.000	200.000.000	
-	Bổ sung kinh phí phục vụ Ban chỉ huy tiền phương chống dịch Covid-19	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	139.102.000	130.000.000	
-	Kinh phí hoạt động Thường trực UBND huyện	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	452.000.000	452.000.000	
3	Bổ sung cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng kinh phí hỗ trợ cho các hộ cá nhân sửa chữa, xây mới lò phục vụ sấy vải năm 2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	636.500.000	636.500.000	
II	Nguồn dự phòng ngân sách huyện			1.301.253.000	1.269.753.000	
1	Điều chỉnh giảm kinh phí hỗ trợ TTYT huyện mua sắm TTB PCD, (tại QĐ số 160/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND huyện) - Máy chụp X-Quang di động	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	38.000.000	38.000.000	
2	Điều chỉnh tăng, giảm tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 và hỗ trợ từ Dự phòng ngân sách huyện			1.263.253.000	1.231.753.000	
2.1	Hỗ trợ Trung tâm Y tế huyện			650.399.000	618.899.000	
-	Kinh phí mua Test xét nghiệm định tính kháng nguyên SARS-CoV-2	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	220.500.000	189.000.000	
-	Hỗ trợ xăng xe ô tô phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 từ tháng 9-12 năm 2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	97.184.000	97.184.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Kinh phí thiết bị thiết yếu phục vụ phòng chống dịch Covid-19	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	64.200.000	64.200.000	
	Kinh phí phục vụ triển khai tiêm vaccin phòng chống Covid -19 (đợt 2) theo Tờ trình số 615/TTr-TTYT ngày 27/8/2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	34.880.000	34.880.000	
	Kinh phí mua trang thiết bị mua trang thiết bị phục vụ lấy mẫu xét nghiệm Covid-19 tích hợp nền tảng Bluzone (theo TT số 562/TTr-TTYT ngày 10/8/2021)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	20.600.000	20.600.000	
	Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ tăng cường phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	213.035.000	213.035.000	
2.2	Bổ sung cho Ban CHQS huyện: Kinh phí bảo đảm tiền ăn các khu cách ly tập trung trên địa bàn huyện từ ngày 01/11 đến ngày 09/11/2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban CHQS huyện	581.104.000	581.104.000	
2.3	Bổ sung cho Phòng Lao động - TB&XH: Kinh phí tập huấn cho doanh nghiệp về phòng, chống dịch bệnh Covid-19	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng LĐ-TB&XH	4.950.000	4.950.000	
2.4	Bổ sung cho Phòng Y tế: Kinh phí in Pano tuyên truyền thông điệp 5K	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng Y tế	9.000.000	9.000.000	
2.5	Bổ sung cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao kinh phí tuyên truyền PCD trên địa bàn	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm VH TT&TT	17.800.000	17.800.000	
III	Phân bổ nguồn kinh phí cắt giảm và tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2021, tại Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện			4.510.965.000	4.325.565.000	
-	Hỗ trợ Trung tâm Y tế huyện: Kinh phí mua vật tư, hóa chất phòng chống dịch COVID-19 (nguồn tiết kiệm thêm 10% 7 tháng cuối năm 2021, tại QĐ số 2492 ngày 30/6/2021 của UBND huyện)			4.510.965.000	4.325.565.000	
+	Cồn 70 độ (Cồn 70 độ , can 20 lít , can 30 lít)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	59.850.000	59.850.000	
+	Gang tay y tế không bột tan	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	216.000.000	192.000.000	
+	Khẩu trang N95	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	340.000.000	340.000.000	
+	Mũ phẫu thuật	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	17.400.000	17.400.000	
+	Que tăm bông lấy dịch ty hầu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.710.000.000	1.556.100.000	
+	Ống môi trường bảo quản virus hô hấp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	12.500.000	12.500.000	
+	Bộ trang phục phòng dịch cấp độ 2	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	174.000.000	174.000.000	
+	Nhiệt kế thủy ngân	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	52.000.000	52.000.000	
+	Ống Facol	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	138.000.000	138.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
+	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh THA 500ml	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	64.500.000	64.500.000	
+	Cloramin B	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	474.000.000	474.000.000	
+	Bộ trang phục phòng dịch cấp độ 4	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	880.000.000	880.000.000	
+	Kính chắn giọt bắn	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	270.000.000	270.000.000	
+	Huyết áp + ống nghe	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	13.000.000	13.000.000	
+	Que tăm bông cứng ngoáy họng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	5.700.000	5.700.000	
+	Bơm kim tiêm sử dụng 1 lần	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	34.000.000	34.000.000	
+	Túi vàng đựng rác y tế (44x70cm)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	16.000.000	11.000.000	
+	Túi vàng đựng rác y tế (36x60cm)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	8.000.000	5.500.000	
+	Túi bóng vàng loại 20kg	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	240.000	240.000	
+	Bút bi	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	900.000	900.000	
+	Bình xịt	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	4.500.000	4.500.000	
+	Bàn đập gìm	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	6.000.000	6.000.000	
+	Bút dạ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	4.500.000	4.500.000	
+	Ghim đập số (hộp nhỏ)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	500.000	500.000	
+	Kéo Dely	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	3.750.000	3.750.000	
+	Chai 1,5 lit	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	900.000	900.000	
+	Túi zip số 9	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	3.000.000	3.000.000	
+	Giấy vệ sinh (dây 10 cuộn)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.400.000	1.400.000	
+	Băng dính trắng (loại 1kg)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	325.000	325.000	

A	B	1	2	3	4	5
IV	Phân bổ kinh phí đối ứng NTM (ngân sách xã chưa phân bổ), tại Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND huyện			12.490.000.000	2.480.000.000	
1	Hỗ trợ XD nhà văn hóa thôn, khu thể thao xã, thôn			11.760.000.000	1.750.000.000	
1.1	Xã Hồng kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	7.192.000.000	1.150.000.000	
-	Xây mới khu trung tâm thể thao xã	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	1.018.000.000	300.000.000	
-	Xây mới nhà văn hóa thôn Trại Nhất	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	789.000.000	100.000.000	
-	Xây mới NVH bản Làng Ba	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	668.000.000	100.000.000	
-	Xây mới NVH thôn Trại Hồng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	699.000.000	100.000.000	
-	Xây mới NVH thôn Đồng Nghĩa	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	651.000.000	100.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao bản Cầu Tư	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	393.000.000	50.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao bản Làng Ba	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	374.000.000	50.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao bản Đền Hồng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	365.000.000	50.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao thôn Trại Hồng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	396.000.000	50.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao thôn Trại Sáu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	401.000.000	50.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao thôn Trại Hồng Nam	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	388.000.000	50.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao thôn Đền Giếng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	350.000.000	50.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao thôn Đồng Nghĩa	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	300.000.000	50.000.000	
-	Khu trung tâm thể thao bản Trại Nhì	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	400.000.000	50.000.000	
1.2	Xã Tam Hiệp			1.693.000.000	200.000.000	
-	Xây mới nhà văn hóa thôn Trại Cọ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tam Hiệp	840.000.000	100.000.000	
-	Xây mới nhà văn hóa thôn Đồng Mơ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tam Hiệp	853.000.000	100.000.000	
1.3	Xã Tân Hiệp			725.000.000	100.000.000	
-	Nhà văn hóa thôn Đồng Gia	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tân Hiệp	725.000.000	100.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
1.4	Xã Tân Sỏi			2.150.000.000	300.000.000	
-	Xây mới nhà văn hóa thôn Phú Bản	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tân Sỏi	650.000.000	100.000.000	
-	Xây mới nhà văn hóa thôn Cầu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tân Sỏi	730.000.000	100.000.000	
-	Xây mới nhà văn hóa thôn Chiềng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tân Sỏi	770.000.000	100.000.000	
2	Thưởng xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao			400.000.000	400.000.000	
-	Xã Hồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	200.000.000	200.000.000	
-	Xã Đồng Tâm	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đồng Tâm	200.000.000	200.000.000	
3	Thưởng thôn nông thôn kiểu mẫu (03 thôn)			150.000.000	150.000.000	
-	Thôn Cầu Thầy, xã An Thượng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã An Thượng	50.000.000	50.000.000	
-	Thôn Làng xã Hương Vỹ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hương Vỹ	50.000.000	50.000.000	
-	Thôn Tân Kỳ xã Đồng Tâm	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đồng Tâm	50.000.000	50.000.000	
4	Thưởng thôn nông thôn mới (09 thôn)			180.000.000	180.000.000	
-	Thôn Thìa, xã Canh Nậu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Canh Nậu	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Trại Mới xã Đồng Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đồng Tiến	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Giếng Chanh, xã Đồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đồng Kỳ	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Phú Bản xã Tân Sỏi	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tân Sỏi	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Đèo Sắt xã Đồng Hưu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đồng Hưu	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Luộc Giới xã Tân Hiệp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tân Hiệp	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Đồi Lánh xã Đông Sơn	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đông Sơn	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Đồng Tiên xã Tam Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tam Tiến	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Hố Luồng xã Tiến Thắng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Tiến Thắng	20.000.000	20.000.000	
V	Phân bổ sự nghiệp giáo dục (kinh phí lắp đặt Camera giao đầu năm)			2.000.000.000	2.000.000.000	
1	Khối Mầm non		Các trường mầm non	666.750.000	666.750.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Trường MN Xuân Lương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường MN Tam Hiệp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường MN Đồng Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường MN Tam Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường MN Tiến Thắng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường MN Đồng Huru	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường MN Tân Sỏi	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Khối tiểu học		Các trường tiểu học	1.333.250.000	1.333.250.000	
2	Trường Tiểu học Tiến Thắng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Tam Hiệp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Tân Hiệp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Hồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Hương Vỹ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Tam Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Đồng Vương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Đồng Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Đồng Huru	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Đồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học Tân Sỏi	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường Tiểu học TT Bồ Hạ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	
-	Trường tiểu học Xuân Lương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.250.000	95.250.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Trường Tiểu học TT Phồn Xương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		95.000.000	95.000.000	
VI	Điều chỉnh tăng, giảm; phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục			15.456.456.000	(5.728.000)	
1	Điều chỉnh tăng giảm kinh phí chi lương, PC, các khoản có tính chất lương			(11.341.461.000)	(11.341.461.000)	
-	Điều chỉnh giảm (lần 1) kinh phí chi lương, PC, các khoản có tính chất lương			(14.210.038.000)	(14.210.038.000)	
+	Khối Mầm non	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Các trường mầm non	(1.713.905.000)	(1.713.905.000)	
+	Khối tiểu học	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Các trường tiểu học	(7.928.887.000)	(7.928.887.000)	
+	Khối THCS	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Các trường THCS	(4.567.246.000)	(4.567.246.000)	
-	Điều chỉnh tăng (lần 1) kinh phí chi lương, PC, các khoản có tính chất lương			1.023.877.000	1.023.877.000	
+	Khối Mầm non	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Các trường mầm non	761.435.000	761.435.000	
+	Khối THCS	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Các trường THCS	262.442.000	262.442.000	
-	Bổ sung cho các trường chi trả chế độ, chính sách			1.844.700.000	1.844.700.000	
+	Bổ sung nguồn thực hiện chế độ chính sách	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		1.107.700.000	1.107.700.000	
+	Bổ sung chế độ học bổng cho học sinh nội trú	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường PTDTNT	737.000.000	737.000.000	
2	Phân bổ kinh phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất các trường học			4.858.382.000	4.858.382.000	
-	Khối Mầm non	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Các trường mầm non	1.532.000.000	1.532.000.000	
-	Khối tiểu học	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Các trường tiểu học	1.622.650.000	1.622.650.000	
-	Khối THCS	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Các trường THCS	1.703.732.000	1.703.732.000	
3	Phân bổ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất các trường học			3.373.274.000	2.790.000.000	
-	Sửa chữa phòng học, chức năng, lát nền (7 phòng) + Sơn lại tường các phòng học	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường MN thị trấn Bồ Hạ	180.000.000	150.000.000	
-	Thay thế cửa sổ, cửa chính khu lớp học 2 tầng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường mầm non Đồng Lạc	82.000.000	80.000.000	
-	Lát nền 03 phòng học khu Trung tâm	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường mầm non Đồng Vương	70.000.000	60.000.000	
-	Sơn tường phòng học, phòng chức năng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường mầm non Hương Vỹ	179.000.000	150.000.000	
-	Sửa nền gạch, trần tôn bếp ăn khu lẻ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường mầm non Tân Hiệp	30.000.000	30.000.000	
-	Cải tạo, lát nền nhà 2 tầng 8 phòng học; sửa mái nhà chức năng và xây lò đốt rác	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học An Thượng	339.274.000	150.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Thay thế hệ thống cửa sổ, cửa đi phòng học	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học Đồng Hưu	130.000.000	100.000.000	
-	Lát sân trường	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học Đồng Tiến	210.000.000	200.000.000	
-	Sửa chữa mái, cửa, lan can nhà 2 tầng 8 phòng học	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học Tam Hiệp	150.000.000	120.000.000	
-	Lát nền 6 phòng học + 2 phòng chức năng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học Hương Vỹ	125.000.000	100.000.000	
-	Thay thế hệ thống cửa sổ, cửa đi phòng học	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học Hồng Kỳ	100.000.000	90.000.000	
-	Lát lại sân khu A	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học Tam Tiến	250.000.000	240.000.000	
-	Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh Khu A	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học Xuân Lương	30.000.000	30.000.000	
-	Thay thế hệ thống cửa khu hiệu bộ, phòng học	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường tiểu học thị trấn Bồ Hạ	140.000.000	100.000.000	
-	Lát nền 4 lớp học	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường THCS thị trấn Bồ Hạ	70.000.000	70.000.000	
-	Lát nền 8 lớp học + chức năng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường THCS Tam Tiến	210.000.000	200.000.000	
-	Sửa chữa nền, trần và cửa chính, cửa sổ các phòng hành chính khu hiệu bộ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		106.000.000	100.000.000	
-	Sửa chữa 04 phòng học cũ thành phòng công vụ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường TH&THCS Đồng Tâm	100.000.000	50.000.000	
-	Lát nền, thay thế cửa sổ cửa chính nhà hiệu bộ, khu nhà chức năng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường THCS Hương Vỹ	240.000.000	200.000.000	
-	Thay thế hệ thống cửa sổ, cửa đi lớp học nhà 2 tầng cấp 2	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường TH & THCS Tân Hiệp	170.000.000	150.000.000	
-	Lát sân trước cửa nhà vệ sinh học sinh + đầu hồi dãy nhà lớp học 2 tầng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường THCS Đồng Vương	27.000.000	25.000.000	
-	Lát gạch sân trường	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường THCS Tân Sỏi	35.000.000	30.000.000	
-	Lát lại nền 8 phòng học nhà 2 tầng khu chính + thay cửa sổ, cửa đi nhà hiệu bộ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường THCS Xuân Lương	250.000.000	230.000.000	
-	Thay thế cửa sổ, cửa chính các phòng học trường	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Trường THCS Đồng Kỳ	150.000.000	135.000.000	
4	Phân bổ trả nợ các công trình do BQLDA làm chủ đầu tư			16.167.870.000	1.288.960.000	
-	Xây dựng công, tường rào, lát sân trường mầm non Đồng Vương (khu Đồng Đăng)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	759.152.000	25.632.000	
-	Xây mới 07 phòng học, phòng chức năng; bếp ăn một chiều trường mầm non An Thượng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	7.460.426.000	176.200.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Sửa chữa, thay thế một số cửa các phòng, lớp học trường mầm non Cầu Gò	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	527.781.000	59.948.000	
-	Xây mới 4 phòng + chức năng trường tiểu học Tân Sỏi	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.864.687.000	307.300.000	
-	Trường tiểu học Đồng Lạc; HM: Lát lại sân cho học sinh; tường bao	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	868.231.000	399.995.000	
-	Sửa chữa trường tiểu học Hương Vỹ; HM: lát sân trường, sửa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.213.753.000	59.323.000	
-	Sửa chữa trường tiểu học thị trấn Phần Xương; HM: Sửa chữa cửa lớp học (khu chính)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	351.439.000	95.562.000	
-	Xây dựng 3 phòng học chức năng + lát sân trường tiểu học Đồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.003.118.000	100.000.000	
-	Trường THCS Hoàng Hoa Thám; HM: Lát sân, vườn, đường nội bộ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.119.283.000	65.000.000	
5	Điều chỉnh tăng kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách năm 2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		2.231.391.000	2.231.391.000	
6	Hỗ trợ Trường tiểu học Hương Vỹ kinh phí trả nợ sửa chữa cơ sở vật chất năm 2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Tiểu học Hương Vỹ	77.000.000	77.000.000	
7	Bổ sung cho Phòng GD&ĐT kinh phí mua sắm máy tính bổ sung cho các trường năm 2021 còn thiếu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng GD&ĐT	90.000.000	90.000.000	
VII	Điều chỉnh Phương án chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021			8.050.883.500	307.417.000	
1	Điều chỉnh giảm: Kinh phí sửa chữa, nạo vét bể nước ngầm tòa nhà làm việc HĐND-UBND huyện; kinh phí nạo vét 02 Ao khu vực công UBND huyện	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	169.712.500	73.462.000	
2	Điều chỉnh tăng: Kinh phí trồng, cắt tỉa, vét rãnh thoát nước khuôn viên UBND huyện	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	255.437.000	73.462.000	
3	Điều chỉnh tăng, giảm kinh phí tiết kiệm chi SNGD			7.881.171.000	233.955.000	
-	Điều chỉnh giảm			7.557.171.000	233.955.000	
+	Kinh phí mua sắm hệ thống lọc nước tinh khiết phục vụ học sinh ăn, uống bán trú (công suất 150 lít/h và 250 lít/h)	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.403.889.000	29.890.700	
+	Kinh phí mua sắm thay SGK lớp 2, lớp 6	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	2.461.078.000	24.956.300	
+	Kinh phí mua sắm trang thiết bị trường trọng điểm và khu vực trường trọng điểm	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.507.454.000	12.543.000	
+	Đầu tư trường chuẩn mới, chuẩn lại năm 2021 và năm học 2021-2022	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.384.500.000	42.275.000	
+	Bổ sung thiết bị, đồ dùng cho các trường MN, TH, THCS	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	800.250.000	124.290.000	
-	Điều chỉnh tăng: Mua sắm máy tính bổ sung cho các trường năm 2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	324.000.000	233.955.000	
VIII	Phân bổ sử dụng từ các nguồn còn tồn năm 2021			27.285.566.000	27.285.566.000	

A	B	1	2	3	4	5
1	Phân bổ, chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương chuyển nguồn sang năm 20	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		22.266.000.000	22.266.000.000	
2	Hỗ trợ Công an huyện kinh phí hoạt động	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Công an huyện	300.000.000	300.000.000	
3	Bổ sung cho công an kinh phí diễn tập KVPT cấp huyện năm 2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Công an huyện	670.385.000	670.385.000	
4	Bổ sung cho Ban CHQS huyện kinh phí diễn tập KVPT cấp huyện năm 2021	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Ban CHQS huyện	829.615.000	829.615.000	
5	Bổ sung hỗ trợ các xã phòng, chống dịch bệnh Covid-19			160.000.000	160.000.000	
-	Thị trấn Bồ Hạ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND TT Bồ Hạ	40.000.000	40.000.000	
-	Hương Vĩ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hương Vĩ	40.000.000	40.000.000	
-	Đông Sơn	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đông Sơn	40.000.000	40.000.000	
-	Đông Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đông Kỳ	40.000.000	40.000.000	
6	Bổ sung cho Phòng Văn hóa và Thông tin kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ PCD	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.300.000	10.300.000	
7	Bổ sung cho Trung tâm Y tế huyện kinh phí mua vật tư, hóa chất, trang phục PCD	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Trung tâm Y tế huyện	72.400.000	72.400.000	
8	Bổ sung cho Văn phòng HĐND và UBND huyện kinh phí các nhiệm vụ PCD	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	200.000.000	200.000.000	
9	Bổ sung, đồng thời thu hồi số tạm cấp kinh phí cho Công an huyện chi phụ cấp cho Đội CSCĐ của BCA tăng cường công tác PCD tại huyện	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Công an huyện	181.650.000	181.650.000	
10	Bổ sung cho Ban CHQS huyện kinh phí phòng, chống dịch	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Ban CHQS huyện	564.000.000	564.000.000	
11	Hỗ trợ Hội sinh vật cảnh kinh phí tổ chức Đại hội Hội SVC nhiệm kỳ 2021-2026	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Hội Sinh vật cảnh	10.000.000	10.000.000	
12	Hỗ trợ KBNN Yên Thế kinh phí tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	KBNN Yên Thế	20.000.000	20.000.000	
13	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND thị trấn Bồ Hạ (cũ) làm Bệnh viện dã chiến điều trị F0	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	500.000.000	500.000.000	
14	Dịch chuyển hệ thống đèn chiếu sáng QL17 thuộc địa phận thị trấn Phồn Xương (điểm công Cầu Gò - đến hết Công ty may Yên Thế)	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	400.000.000	400.000.000	
15	Bổ sung kinh phí hoạt động Văn phòng Huyện ủy năm 2021	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Văn phòng Huyện ủy	400.000.000	400.000.000	
16	Bổ sung kinh phí hoạt động của Văn phòng HĐND và UBND huyện	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	100.000.000	100.000.000	
17	Bổ sung cho Ban Tuyên giáo Huyện ủy kinh phí sửa chữa, di chuyển pano tuyên truyền trực quan tại xã Xuân Lương, Đông Huru, Đông Sơn (Phần còn thiếu)	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Ban Tuyên giáo Huyện ủy	47.071.000	47.071.000	

A	B	1	2	3	4	5
18	Bổ sung cho Thanh tra huyện kinh phí một số nhiệm vụ phát sinh năm 2021	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Thanh tra huyện	30.000.000	30.000.000	
19	Bổ sung cho Phòng Nội vụ kinh phí tổng kết Cụm thi đua các huyện miền núi năm 2021	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Phòng Nội vụ	23.045.000	23.045.000	
20	Bổ sung cho Hội CCB huyện kinh phí tổ chức HN tôn kết 5 năm thực hiện phong trào CCB giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi giai đoạn 2016-2021	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Hội CCB huyện	7.670.000	7.670.000	
21	Bổ sung hỗ trợ các xã: Tân Hiệp, Đồng Huru, Tiên Thắng, Tam Hiệp kinh phí diễn tập KVPT năm 2021, mỗi xã 20 triệu đồng.	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND các xã	80.000.000	80.000.000	
22	Hỗ trợ UBND thị trấn Bồ Hạ kinh phí giải quyết đơn theo Kết luận thanh tra số 1018/LK-UBND ngày 22/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND thị trấn Bồ Hạ	147.000.000	147.000.000	
23	Hỗ trợ Ban CHQS huyện kinh phí phá hủy đầu đạn khắc phục hậu quả sau chiến tranh tại xã Đồng Vương	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	Ban CHQS huyện	9.000.000	9.000.000	
24	Phân bổ hỗ trợ các xã, thị trấn kinh phí thiết chế nhà văn hóa các thôn, bản năm 2021 (phần còn thiếu)			257.430.000	257.430.000	
-	UBND xã An Thượng	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã An Thượng		9.210.000	
-	UBND xã Tân Hiệp	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Tân Hiệp		17.880.000	
-	UBND xã Hương Vĩ	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Hương Vĩ		23.430.000	
-	UBND xã Đồng Vương	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Đồng Vương		3.960.000	
-	UBND xã Đồng Kỳ	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Đồng Kỳ		13.170.000	
-	UBND thị trấn Phồn Xương	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND thị trấn Phồn Xương		38.375.000	
-	UBND xã Hồng Kỳ	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ		12.750.000	
-	UBND xã Đồng Tâm	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Đồng Tâm		28.930.000	
-	UBND xã Canh Nậu	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Canh Nậu		4.390.000	
-	UBND xã Tân Sỏi	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Tân Sỏi		4.390.000	
-	UBND xã Đồng Huru	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Đồng Huru		59.675.000	
-	UBND xã Xuân Lương	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Xuân Lương		9.210.000	
-	UBND xã Tam Hiệp	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Tam Hiệp		10.390.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	UBND xã Đồng Tiến	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Đồng Tiến		5.280.000	
-	UBND xã Tiến Thắng	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Tiến Thắng		5.890.000	
-	UBND xã Đồng Lạc	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Đồng Lạc		10.500.000	
IX	Điều chỉnh tăng, giảm kinh phí vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới phân bổ cho xã Hồng Kỳ			20.000.000	20.000.000	
1	Điều chỉnh giảm kinh phí dự án xây dựng nghĩa trang nhân dân Trại Hồng Nam, do vướng mắc GPMB	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	20.000.000	20.000.000	
2	Điều chỉnh tăng dự án xây dựng nghĩa trang ND thôn Đền Hồng - Trại Nhì mỗi dự án 10 triệu đồng	785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	20.000.000	20.000.000	
IX	Phân bổ nguồn ngân sách xã năm 2021			3.624.576.000	3.624.576.000	
1	Bổ sung cho các xã điều chỉnh quy hoạch NTM		UBND các xã	2.100.000.000	2.100.000.000	
-	Xã An Thượng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Đồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Đồng Tâm	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Đồng Vương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Xuân Lương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Đồng Hưu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Đông Sơn	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Tân Hiệp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Tam Hiệp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Canh Nậu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Hương Vỹ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Hồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
-	Xã Tiến Thắng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Xã Đồng Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		150.000.000	150.000.000	
2	Bổ sung hỗ trợ các xã, thị trấn kinh phí xây dựng cổng thông tin điện tử cấp xã		UBND các xã, thị trấn	870.000.000	870.000.000	
-	Thị trấn Phồn Xương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		50.000.000	50.000.000	
-	Thị trấn Bồ Hạ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		50.000.000	50.000.000	
-	Xã Xuân Lương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		50.000.000	50.000.000	
-	Xã Tam Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Đồng Lạc	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã An Thương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Đồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Đồng Tâm	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Đồng Vương	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Đồng Hưu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Đông Sơn	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Tân Hiệp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Tam Hiệp	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Canh Nậu	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Hương Vỹ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Hồng Kỳ	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Tiến Thắng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Đồng Tiến	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	
-	Xã Tân Sỏi	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021		45.000.000	45.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
3	Hỗ trợ UBND xã Hồng Kỳ kinh phí về đích nông thôn mới			300.000.000	300.000.000	
-	Sửa chữa cải tạo nhà làm việc UBND xã	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	250.000.000	250.000.000	
-	Hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên về đích nông thôn mới	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Hồng Kỳ	50.000.000	50.000.000	
4	Bổ sung hỗ trợ UBND xã Đồng Tâm kinh phí trả nợ công trình Đền Thác Thần, hạng mục: San nền, xây kè đá, lát sân	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã Đồng Tâm	314.576.000	314.576.000	
5	Hỗ trợ UBND xã Hương Vĩ, Đông Sơn, Đồng Kỳ, Thị trấn Bồ Hạ kinh phí PCD, mỗi xã 10 triệu đồng	745/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	UBND xã, thị trấn	40.000.000	40.000.000	
B	NIÊN ĐỘ 2022			479.676.331.327	239.287.643.657	
I	Phân bổ nguồn tăng lương, tăng biên chế, kinh phí hoạt động phát sinh năm			499.956.000	499.956.000	
1	Bổ sung cho Ban CHQS Huyện kinh phí tặng quà cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, tại ngũ về địa phương	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Ban CHQS huyện	33.800.000	33.800.000	
2	Bổ sung cho Hội nông dân huyện kinh phí tổ chức hội thi Nhà nông đua tài, kinh phí tập huấn, tuyên truyền, hội nghị sơ kết nghị quyết, giai đoạn 2017-2022	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Hội nông dân huyện	83.290.000	83.290.000	
3	Bổ sung cho Phòng LĐ-TB&XH kinh phí hỗ trợ hoạt động Hội đồng thẩm định thực hiện chính sách hỗ trợ người gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Phòng LĐ-TB&XH	21.512.000	21.512.000	
4	Kinh phí tổ chức cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng năm 2022	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	33.884.000	33.884.000	
5	Kinh phí chi trả tiền thù lao dịch vụ đấu giá Quyền sử dụng đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Trung tâm PTQĐ và QLTTGT, XD,MT	134.661.000	134.661.000	
6	Kinh phí trích đo bản đồ địa chính cấp quyền sử dụng đất	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Trung tâm PTQĐ và QLTTGT, XD,MT	122.809.000	122.809.000	
7	Hỗ trợ Trường Cao đẳng Miền núi Bắc Giang kinh phí đón nhận Huân chương lao động Hạng Ba và công bố Quyết định thành lập trường	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Trường Cao đẳng nghề MN Bắc Giang	70.000.000	70.000.000	
II	Phân bổ nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022			4.661.520.600	4.661.520.600	
1	Chi trả phí chuyển khoản chi trả hỗ trợ người gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 qua ngân hàng Nông nghiệp và PTNT	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Phòng LĐ-TB&XH	9.174.000	9.174.000	
2	Kinh phí thuê phương tiện vận chuyển đón công dân bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19 trở về địa phương từ sân bay Nội Bài về các khu cách ly tập trung của huyện	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Phòng LĐ-TB&XH	37.730.000	37.730.000	
3	Bổ sung kinh phí sửa xe ô tô tham gia phòng, chống dịch Covid-19	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	32.127.000	32.127.000	
4	Bổ sung kinh phí xăng xe phục vụ công tác PCD Covid-19	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	100.000.000	100.000.000	
5	Bổ sung kinh phí in tem Dcan dán ống xét nghiệm cộng đồng	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	40.000.000	40.000.000	
6	Bổ sung, đồng thời thu hồi số tạm cấp kinh phí phục vụ cơ sở thu dung, điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19 (tại QĐ 844/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện)	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	246.270.000	246.270.000	

A	B	1	2	3	4	5
7	Bổ sung cho Văn phòng HĐND và UBND huyện kinh phí mua sắm trang thiết bị, vật tư tiêu hao, phương tiện phòng hộ phục vụ PCD tại các cơ sở thu dung điều trị Covid-19			2.417.350.000	2.417.350.000	
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Văn phòng HĐND và UBND huyện	1.808.800.000	1.808.800.000	
-	Kinh phí mua sắm vật tư tiêu hao	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Văn phòng HĐND và UBND huyện	578.550.000	578.550.000	
-	Kinh phí mua quần áo phòng, chống dịch	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Văn phòng HĐND và UBND huyện	30.000.000	30.000.000	
8	Đồng thời thu hồi về nguồn dự phòng ngân sách huyện số tạm cấp cho Văn phòng HĐND và UBND huyện kinh phí PCD			3.115.860.000	3.115.860.000	
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Văn phòng HĐND và UBND huyện	1.824.800.000	1.824.800.000	
-	Kinh phí mua sắm vật tư tiêu hao	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Văn phòng HĐND và UBND huyện	1.231.060.000	1.231.060.000	
-	Kinh phí mua quần áo phòng, chống dịch	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Văn phòng HĐND và UBND huyện	60.000.000	60.000.000	
9	Bổ sung, đồng thời thu hồi số tạm cấp cho Trung tâm Y tế huyện kinh phí PCD			895.748.000	895.748.000	
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, vật tư, phương tiện phòng hộ, sinh phẩm cho Trạm y tế lưu động	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	556.623.000	556.623.000	
-	Kinh phí mua sắm vật tư, văn phòng phẩm cho Trạm y tế lưu động	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	76.625.000	76.625.000	
-	Kinh phí mua khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên SART-CoV-2	157/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	262.500.000	262.500.000	
10	Bổ sung cho Trung tâm y tế huyện kinh phí hỗ trợ tiêm phòng vacxin Covid-19			883.121.600	883.121.600	
-	Kinh phí tiêm phòng tại điểm tiêm Trung tâm Y tế huyện	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	138.112.500	138.112.500	
-	Kinh phí tiêm phòng tại điểm tiêm các xã, thị trấn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trung tâm Y tế huyện	569.257.500	569.257.500	
-	Bổ sung kinh phí mua thuốc phòng, chống dịch bệnh Covid-19	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Trung tâm Y tế huyện	79.800.000	79.800.000	
-	Bổ sung kinh phí mua trang thiết bị tin học, văn phòng; mua bổ sung đồ dùng, vật tư VPP phục vụ cơ sở thu dung, điều trị Covid-19 của huyện	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Trung tâm Y tế huyện	37.743.000	37.743.000	
-	Kinh phí mua vật tư lắp đường nước sạch sinh hoạt tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 của huyện	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Trung tâm Y tế huyện	7.932.100	7.932.100	
-	Kinh phí mua USB, dây mạng, switch phục vụ công tác tiêm phòng, lấy mẫu lưu động tại xã thôn, bản không có Wifi	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Trung tâm Y tế huyện	4.676.500	4.676.500	
-	Bổ sung kinh phí mua xăng xe phục vụ công tác PCD	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Trung tâm Y tế huyện	45.600.000	45.600.000	
III	Phân bổ nguồn chi khác ngân sách huyện năm 2022			102.930.000	102.930.000	

A	B	1	2	3	4	5
1	Bổ sung cho Phòng LĐ-TB&XH kinh phí phát sinh thăm và tặng quà tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng LĐ-TB&XH	43.000.000	43.000.000	
2	Di chuyển, sửa chữa, bọc lại bạt Pano tuyên truyền tại ngã ba bán Diển, xã Tam Tiến	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Ban Tuyên giáo Huyện ủy	39.930.000	39.930.000	
3	Bổ sung hỗ trợ kinh phí hoạt động của Hội người cao tuổi huyện năm 2022	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Hội người cao tuổi	20.000.000	20.000.000	
IV	Phân bổ kinh phí phát triển đất trồng lúa năm 2022			6.135.000.000	5.510.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp Hồ Đồng Nhân - Phồn Xương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	600.000.000	600.000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm thôn Đồng Quán - Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	370.000.000	370.000.000	
3	Cải tạo, sửa chữa đập ông Ôn - Bản Đồn, Canh Nậu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	400.000.000	400.000.000	
4	Đường nội đồng thôn Hồ Tiên (đoạn từ cổng nhà ông Hồng đi cổng nhà ông Trường và ông Trung) xã Hương Vỹ dài 600m; đoạn xứ đồng khu mẫu bẫy xã Đông Sơn dài 800m; thôn Trại Cọ (đoạn từ nhà bà Lý đi ông Nhâm) xã Tam Hiệp dài 150m	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.705.000.000	1.080.000.000	
5	Hồ Ông Lục - La Thành, Tiến Thắng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	600.000.000	600.000.000	
6	Nâng cấp, nạo vét Kè đập dâng thôn Tân Mái (khu Cầu Đen) - Tân Sỏi	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	600.000.000	600.000.000	
7	Cải tạo, sửa chữa trạm bơm Đồng Khách (cũ) - Tam Hiệp	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	500.000.000	500.000.000	
8	Cải tạo, sửa chữa trạm bơm Tràng Bản - Canh Nậu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	450.000.000	450.000.000	
9	Cứng hóa kênh mương Từ đập mỏ cùng đi ông Phong Ao gạo - Đồng Hưu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	420.000.000	420.000.000	
10	Xây dựng mương nội đồng bản Nghè (tuyến ông Thanh đi ông Vin) - Xuân Lương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	490.000.000	490.000.000	
V	Phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục			40.342.500.000	13.831.876.000	
1	Hỗ trợ các trường MN, TH, THCS kinh phí lắp đặt Camera an ninh			2.000.000.000	2.000.000.000	
-	Trường mầm non An Thượng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường mầm non Hương Vỹ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường mầm non Đồng Lạc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường mầm non Đồng Tâm	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường TH Canh Nậu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Trường TH An Thượng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường TH Đồng Lạc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường TH Đồng Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Tam Hiệp	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.000.000	95.000.000	
-	Trường THCS Xuân Lương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Canh Nậu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Tam Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Đồng Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Tiến Thắng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Đồng Lạc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Tân Sỏi	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Đồng Kỳ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường THCS Hương Vỹ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường TH&THCS Đồng Tâm	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
-	Trường TH&THCS Tân Hiệp	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Các trường MN, TH, THCS	95.250.000	95.250.000	
2	Phân bổ công trình khởi công mới; hỗ trợ mua sắm, cải tạo cơ sở vật chất các trường			38.342.500.000	11.831.876.000	
2.1	Phân bổ các công trình khởi công mới			35.950.000.000	9.439.376.000	
-	Xây mới Nhà bảo vệ; Phá dỡ 01 nhà cấp 4 và 01 nhà vệ sinh; Lát lại sân phần nền nhà; Quyết ve lại dãy nhà 2 tầng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN An Thượng	350.000.000	250.000.000	
-	Thay cửa sổ; sơn lại phòng học, phòng chức năng + Lát gạch sân, khu vui chơi trường mầm non Tân Sỏi	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	600.000.000	450.000.000	
-	Xây dựng 08 phòng học + phụ trợ trường mầm non Tam Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	7.500.000.000	3.029.376.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Xây dựng 8 phòng học trường mầm non Đồng Lạc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.500.000.000	1.500.000.000	
-	Sửa chữa cơ sở vật chất trường mầm non TT Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MM TT Bồ Hạ	150.000.000	130.000.000	
-	Thay thế hệ thống cửa + lát nền phòng học + quét vôi ve trường tiểu học Đồng Lạc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường tiểu học Đồng Lạc	500.000.000	230.000.000	
-	Quét vôi ve nhà 5 lớp học; thay cửa, mở rộng sân chơi, làm nhà xe trường tiểu học Đồng Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường tiểu học Đồng Tiến	350.000.000	200.000.000	
-	Thay mới cửa chính (khung sắt hộp, dưới huỳnh sắt, bên trên kính ép 2 lớp); Thay mới cửa sổ lớp học (khung sắt hộp, huỳnh kính ép 2 lớp); Lát nền lớp học (Gạch lát nền là gạch vuông 50 cm x 50 cm liên doanh); Thay mái tôn 3 phòng học chống thấm; Thay lan can tầng 2 khu Đồng Đăng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	500.000.000	250.000.000	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + phòng chức năng + sân, công, tường rào, mương thoát nước trường THCS Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	15.000.000.000	1.000.000.000	
-	Xây dựng nhà bảo vệ, xây dựng nhà xe giáo viên trường THCS TT Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS TT Bồ Hạ	250.000.000	200.000.000	
-	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Hương Vị; nhà vệ sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	4.000.000.000	2.000.000.000	
-	Thay cửa nhà 5 lớp học; thay mái nhà hiệu bộ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Hồng Kỳ	250.000.000	200.000.000	
2.2	Hỗ trợ mua sắm TTB các trường MN, TH, THCS			2.392.500.000	2.392.500.000	
-	Trường Mầm non An Thượng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022		228.000.000	228.000.000	
+	Máy tính			165.000.000	165.000.000	
+	Bộ bàn ghế máy tính cho trẻ mầm non (Bé vui học Kismart)			33.000.000	33.000.000	
+	Tivi 55 INCH			30.000.000	30.000.000	
-	Trường MN Đồng Tâm	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Đồng Tâm	228.000.000	228.000.000	
+	Máy tính			165.000.000	165.000.000	
+	Bộ bàn ghế Kismat			33.000.000	33.000.000	
+	Tivi			30.000.000	30.000.000	
-	Trường MN Tân Sơn			63.500.000	63.500.000	
+	Tủ đựng đồ dùng cá nhân			42.500.000	42.500.000	
+	Tủ đựng chăn chiếu (KT: R1600xC1200xS500mm)			21.000.000	21.000.000	
-	Trường MN Đồng Lạc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Đồng Lạc	204.250.000	204.250.000	
+	Bục phát biểu: : KT: Cao 1m x Rộng 0,75m. Chất liệu bằng gỗ			3.000.000	3.000.000	
+	Tủ cá nhân 18 ô			55.250.000	55.250.000	
+	Tủ đựng chăn chiếu (KT: R1600xC1200xS500mm)			28.000.000	28.000.000	
+	Giá góc			118.000.000	118.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Trường MN Tam Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Tam Tiến	72.000.000	72.000.000	
+	<i>Bàn ghế văn phòng (1 bộ bàn và 50 ghế)</i>			50.000.000	50.000.000	
+	<i>Phòng, rèm bục phát biểu văn phòng</i>			15.000.000	15.000.000	
+	<i>Gương mùa phòng âm nhạc</i>			7.000.000	7.000.000	
-	Trường tiểu học Đồng Lạc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường tiểu học Đồng Lạc	156.400.000	156.400.000	
+	<i>Máy tính</i>			137.500.000	137.500.000	
+	<i>Bàn ghế HS</i>			16.100.000	16.100.000	
+	<i>Bàn ghế GV</i>			2.800.000	2.800.000	
-	Trường tiểu học Canh Nậu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường tiểu học Canh Nậu	156.400.000	156.400.000	
+	<i>Máy tính</i>			137.500.000	137.500.000	
+	<i>Bàn ghế HS</i>			16.100.000	16.100.000	
+	<i>Bàn ghế GV</i>			2.800.000	2.800.000	
-	Trường THCS Hồng Kỳ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Hồng Kỳ	223.550.000	223.550.000	
+	<i>Hệ thống bàn phòng đọc (bàn ghế 2 chỗ ngồi chất liệu cao su tự nhiên)</i>			8.050.000	8.050.000	
+	<i>Thay hệ thống bảng từ các lớp học</i>			78.000.000	78.000.000	
+	<i>Máy tính</i>			137.500.000	137.500.000	
-	Trường THCS Hương Vỹ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Hương Vỹ	525.400.000	525.400.000	
+	<i>Bàn ghế và trang thiết bị các phòng chức năng</i>			250.000.000	250.000.000	
+	<i>Máy vi tính</i>			247.500.000	247.500.000	
+	<i>Bàn ghế phòng tin</i>			27.900.000	27.900.000	
-	Trường THCS thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS thị trấn Bồ Hạ	285.000.000	285.000.000	
+	<i>Bổ sung bàn ghế phòng chức năng</i>			250.000.000	250.000.000	
+	<i>Thiết bị phòng truyền thống (Hệ thống tủ trưng bày, mô hình...)</i>			35.000.000	35.000.000	
-	Trường THCS Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đông Sơn	250.000.000	250.000.000	
+	<i>Bổ sung thiết bị phòng chức năng</i>			250.000.000	250.000.000	
VI	Phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			590.000.000	590.000.000	
1	Phân bổ cho Phòng Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo (Mô hình bò cái sinh sản)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Nông nghiệp và PTNT	350.000.000	350.000.000	
2	Phân bổ cho Phòng Lao động TB&XH thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (Mô hình bò cái sinh sản)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng LĐ-TB&XH	240.000.000	240.000.000	
VII	Điều chỉnh, phân bổ kinh phí lễ hội Yên Thế năm 2022			1.517.187.000	1.517.187.000	
1	Phân bổ cho các đơn vị tổ chức Lễ hội Yên Thế năm 2022	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	532.447.000	532.447.000	

A	B	1	2	3	4	5
2	Điều chỉnh giám kinh phí tổ chức Lễ hội Yên Thế năm 2022, bổ sung tổ chức Đại hội Thể dục - Thể thao cấp huyện năm 2022	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	984.740.000	984.740.000	
VIII	Phân bổ sự nghiệp kinh tế năm 2022			160.605.500.000	800.000.000	
1	Xây dựng thoát nước thải khu vực phố Đề Năm, thị trấn Phồn Xương	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	358.500.000	200.000.000	
2	Khu xử lý rác thải xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.999.000.000	200.000.000	
3	Khu đô thị sooso 2 trung tâm thị trấn Bó Hạ (giáp trường THPT Bó Hạ)	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	145.248.000.000	400.000.000	
IX	Phân bổ sự nghiệp công nghệ thông tin năm 2022			307.800.000	307.800.000	
1	Bổ sung cho Văn phòng Huyện ủy kinh phí mua sắm máy tính, máy in phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	Văn phòng Huyện ủy	18.900.000	18.900.000	
2	Bổ sung cho Văn phòng HĐND và UBND huyện kinh phí mua sắm máy tính, máy in phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	UBND xã, thị trấn và công an huyện	18.900.000	18.900.000	
3	Bổ sung cho các xã, thị trấn và công an huyện (tại bộ phận 1 cửa của huyện) kinh phí mua máy tính để bàn triển khai, thực hiện Đề án 06/CP	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	UBND xã, thị trấn và công an huyện	270.000.000	270.000.000	
X	Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022			99.614.796.000	46.167.232.330	
1	Xây dựng đường tránh thị trấn Mỏ Trạng (đoạn từ QL 17 bán Chàm đi trung tâm xã Tam Tiến)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	5.887.000.000	5.000.000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (Đoạn QL17 Cống Xây - Ngã ba Đồng Tâm) 3km	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.687.000.000	2.600.000.000	
3	Cải tạo nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đồng Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	7.444.000.000	2.500.000.000	
4	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đồng Tâm - Hồng Kỳ (đoạn UBND xã Đồng Tâm đi xã Hồng Kỳ)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.996.000.000	5.123.000.000	
5	Lắp dựng lan can bảo vệ, trang trí hồ sinh thái, hồ xối vật khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám; xây dựng thoát nước sau hồ sinh thái; sau điện lực Yên Thế, thị trấn Phồn Xương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	7.607.000.000	4.000.000.000	
6	Nâng cấp mương tưới nước từ hồ Chín Suối đi Gia Bình; tuyến từ hồ Chín Suối đi cánh đồng Trại Mới thuộc thôn Trại Mới xã Đồng Hưu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.757.000.000	1.500.000.000	
7	Xây dựng 03 phòng học; Cải tạo dãy nhà lớp học tạm làm khu hiệu bộ; Cải tạo sân, rãnh thoát nước, tường rào trường mầm non Đồng Tiến, huyện Yên Thế	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	5.273.000.000	1.500.000.000	
8	Nhà Hiệu bộ trường TH Tiến Thắng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.650.000.000	1.000.000.000	
9	Quy hoạch vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	2.817.000.000	1.500.000.000	
10	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Thế	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3.991.000.000	667.232.330	
11	Nhà văn hóa TDP Bà Ba thị trấn Phồn Xương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND thị trấn Phồn Xương	4.230.000.000	2.000.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
12	Nhà văn hóa TDP Hoàng Hoa Thám thị trấn Phồn Xương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND thị trấn Phồn Xương	3.969.000.000	2.000.000.000	
13	Chỉnh trang vỉa hè đô thị thị trấn Phồn Xương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND thị trấn Phồn Xương	1.500.000.000	1.000.000.000	
14	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Đồng Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Tiến	731.798.000	500.000.000	
15	Ngầm ống Quỳnh bản Khe Ngọn và đường dẫn xã Đồng Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Tiến	1.079.000.000	700.000.000	
16	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Hồng Kỳ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Hồng Kỳ	762.850.000	500.000.000	
17	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Tiến Thắng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tiến Thắng	800.750.000	500.000.000	
18	Đường bê tông ra bãi Cam bản Mỏ Trạng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tam Tiến		56.000.000	
19	Đường trục xã từ ngã tư Quỳnh Lâu đi Hồ Tre - Hồ Vàng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tam Tiến		121.000.000	
20	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Tam Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tam Tiến	650.000.000	500.000.000	
21	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tam Tiến - Tiến Thắng (đoạn Núi Bà xã Tam Tiến đi Hồ Luồng xã Tiến Thắng)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tam Tiến	1.300.000.000	800.000.000	
22	Sửa chữa nâng cấp Hội trường UBND thị trấn; Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND cũ thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND TT Bồ Hạ	2.007.000.000	1.500.000.000	
23	Chỉnh trang Di tích LS Đình Bồ Hạ thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND TT Bồ Hạ	1.179.000.000	800.000.000	
24	Chỉnh trang vỉa hè đô thị thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND TT Bồ Hạ	1.211.000.000	1.000.000.000	
25	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Đồng Kỳ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Kỳ	2.000.000.000	2.000.000.000	
26	Xây dựng tuyến đường từ HL 268 qua Trụ sở công an - thôn Đồng Tâm	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Kỳ	900.000.000	900.000.000	
27	XD sân trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND xã Đồng Kỳ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Kỳ	500.000.000	500.000.000	
28	Cải tạo, nâng cấp Cầu Pác Phai bản Suối Dộc xã Đồng Hưu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Hưu	1.507.000.000	1.200.000.000	
29	XD ngầm bản Xoan (bản Xoan đi gốc đa) xã Xuân Lương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Xuân Lương	1.058.000.000	700.000.000	
30	XD ngầm bản Mỏ đi ông Kiểm xã Xuân Lương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Xuân Lương	1.050.000.000	700.000.000	
31	XD ngầm bản Nam Cầu đi nghĩa địa xã Xuân Lương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Xuân Lương	880.084.000	500.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
32	Đường vào trường TH và Mầm non khu Đồi Lánh xã Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đông Sơn	1.200.000.000	1.000.000.000	
33	Đường vào trường TH và Mầm non khu Đồi Hồng xã Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đông Sơn	470.000.000	300.000.000	
34	Cổng, tường rào UBND xã Hương Vĩ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Hương Vĩ	520.314.000	500.000.000	
35	04 phòng học trường mầm non Đồng Vương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Vương		500.000.000	
XI	Nguồn ngân sách xã chưa phân bổ năm 2022			197.000.000	197.000.000	
1	Bổ sung cho các xã, thị trấn kinh phí hỗ trợ bầu trường thôn (bản, tổ dân phố) nhiệm kỳ 2022-2025	353/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	UBND các xã, thị trấn	197.000.000	197.000.000	
XII	Chuyển nguồn và Phương án chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2021 sang năm 2022			165.102.141.727	165.102.141.727	
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU THEO QUY ĐỊNH				40.503.370.000	
I	Nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh				35.586.860.000	
1	Chi XDCB (KH năm 2021 cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022)				29.867.057.000	
-	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 294 đi đường tỉnh 292 huyện Yên Thế (7938735)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		29.867.057.000	
2	Số dư tạm ứng chi đầu tư chưa thu hồi				5.719.803.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh UBND huyện (đoạn Cổng UBND huyện đi Tòa án)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		793.446.000	
-	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Canh Nậu (đoạn từ QL 17 đi cây xăng huyện Yên Thế)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		4.862.357.000	
-	Cải tạo sửa chữa phòng họp HĐND&UBND huyện Yên Thế	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		64.000.000	
II	Nguồn ngân sách huyện				4.916.510.000	
1	Thu tiền sử dụng đất năm 2021				4.916.510.000	
1.1	Số dư tạm ứng chi đầu tư chưa thu hồi				4.916.510.000	
-	Khu dân cư thôn Trại Hồng, xã Hồng Kỳ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		885.972.000	
-	Xây dựng 10 phòng trường THCS Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		456.370.000	
-	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		3.046.807.000	
-	Đầu tư mở rộng trường trường mầm non Tam Tiến huyện Yên Thế (khu chính)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		527.361.000	
B	NGUỒN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP VÀ CÁC KHOẢN TÍNH THEO TIỀN LƯƠNG CƠ SỞ, BẢO TRỢ XÃ HỘI				29.745.723.618	
I	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ caoso và các khoản tính theo lương cơ sở				28.567.935.418	

A	B	1	2	3	4	5
1	Cải cách tiền lương 2020 chuyển sang	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			3.870.279.018	
2	70% nguồn vượt thu ngân sách năm 2021 để thực hiện cải cách tiền lương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			8.393.000.000	
3	Tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			16.304.656.400	
-	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên đầu năm 2021 (gồm: tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách huyện 7.829.000.000 đồng; tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách xã 1.305.000.000 đồng)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			9.134.180.000	
-	70% kết dư năm 2020	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			103.413.934	
-	Tiết kiệm chi bù đắp kết dư 2018	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			7.067.062.466	
II	Bảo trợ xã hội				1.177.788.200	
1	Kinh phí bảo trợ theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP		Phòng Lao động - TB&XH		843.222.700	
-	<i>Ngân sách tỉnh</i>	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			358.008.000	
-	<i>Ngân sách huyện đảm bảo</i>	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			485.214.700	
2	Đảm bảo xã hội chi theo định mức	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Lao động - TB&XH		334.565.500	
C	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO TỰ CHỦ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC THEO CHẾ ĐỘ QUY ĐỊNH VÀ THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI ĐÃ XÁC ĐỊNH CỤ THỂ NHIỆM VỤ CHI				537.793.030	
1	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đồng Hưu		431.000	
2	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường tiểu học Đồng Tiền		12.100.000	
3	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường tiểu học An Thượng		759.900	
4	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đồng Vương		120.363.000	
5	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường tiểu học Tiến Thắng		49.540.000	
6	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Tam Tiền		127.622.730	
7	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Canh Nậu		59.600.000	
8	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Xuân Lương		73.300.000	

A	B	1	2	3	4	5
9	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Đồng Vương		44.700.000	
10	Kinh phí giao tự chủ SNGD (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN thị trấn Cầu Gò		37.299.600	
11	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trung tâm Chính trị		22.600	
12	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Văn phòng HĐND&UBND huyện		609.500	
13	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng GD&ĐT		1.000	
14	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Y tế		11.131.500	
15	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Hội Nông dân		1.100	
16	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Hội cựu chiến binh		311.100	
D	CÁC KHOẢN DỰ TOÁN ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN BỔ SUNG TỪ CẤP NGÂN SÁCH SAU NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM THỰC HIỆN DỰ TOÁN, KHÔNG BAO GỒM CÁC KHOẢN BỔ SUNG DO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TRÊN ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN ĐÃ GIAO CỦA CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN TRỰC THUỘC				8.403.005.000	
1	Chế độ chính sách SNGD 398-15: Chi hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường tiểu học Tiến Thắng		55.350.000	
2	Chế độ chính sách SNGD 398-15: Chi hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN thị trấn Cầu Gò		1.500.000	
3	Kinh phí mua sắm bàn ghế học sinh, giáo viên	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đồng Hưu		96.600.000	
4	Mua bàn ghế học sinh (50 bộ)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Đồng Tiến		96.600.000	
5	Lát sân trường	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Đồng Tiến		230.000.000	
6	Mua sắm bàn ghế học sinh, giáo viên	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đồng Tiến		97.300.000	
7	Xây mới 07 phòng học, phòng chức năng; bếp ăn một chiều trường mầm non An Thượng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban Quản lý Dự án ĐTXD		168.418.000	
8	Xây mới 4 phòng + chức năng trường tiểu học Tân Sỏi	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban Quản lý Dự án ĐTXD		295.281.000	
9	Trường tiểu học Đồng Lạc; HM: Lát lại sân cho học sinh; tường bao	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban Quản lý Dự án ĐTXD		63.969.000	
10	Sửa chữa trường tiểu học Hương Vỹ; HM: lát sân trường, sửa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban Quản lý Dự án ĐTXD		43.778.000	
11	Sửa chữa trường tiểu học thị trấn Phồn Xương; HM: Sửa chữa cửa lớp học (khu chính)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban Quản lý Dự án ĐTXD		2.003.000	

A	B	1	2	3	4	5
12	Mua sắm bàn ghế học sinh, giáo viên	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Tân Sỏi		96.950.000	
13	Mua sắm bàn ghế học sinh, phòng họp hội đồng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Hồng Kỳ		96.000.000	
14	Mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đồng Kỳ		96.600.000	
15	Tủ trưng bày, bảng treo tư liệu, bàn ghế (phòng truyền thống); tủ sách thư viện	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đồng Lạc		45.000.000	
16	Mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học An Thượng		95.100.000	
17	Mua bàn ghế học sinh (60 bộ)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS TT Bồ Hạ		96.600.000	
18	Mua bàn ghế học sinh, giáo viên	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đông Sơn		94.500.000	
19	Lát nền, thay cửa dây nhà chức năng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Hương Vĩ		95.676.000	
20	Mua bàn ghế học sinh (60 bộ)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đồng Vương		96.600.000	
21	Lát sân trước cửa nhà vệ sinh học sinh + đầu hồi dây nhà lớp học 2 tầng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Đồng Vương		25.000.000	
22	Mua bàn ghế học sinh (30 bộ); Bàn ghế phòng máy tính (30 bộ)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Tam Hiệp		94.800.000	
23	Mua bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Tiến Thắng		96.600.000	
24	Kinh phí mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS An Thượng		96.600.000	
25	Bàn, ghế học sinh TH	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường TH&THCS Tân Hiệp		48.300.000	
26	Bàn, ghế học sinh THCS	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường TH&THCS Tân Hiệp		48.300.000	
27	Mua bàn ghế học sinh (40 bộ)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Đồng Lạc		64.400.000	
28	Bộ loa, âm ly, 02 mic không dây phòng họp hội đồng (01 bộ)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Đồng Lạc		35.000.000	
29	Thay hệ thống cửa phòng học, phòng chức năng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học TT Bồ Hạ		100.000.000	
30	Mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học TT Bồ Hạ		94.500.000	
31	Kinh phí mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Xuân Lương		64.400.000	

A	B	1	2	3	4	5
32	Kinh phí mua sắm thiết bị phòng truyền thống	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Xuân Lương		35.000.000	
33	Lát nền phòng học, thay cửa nhà hiệu bộ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Xuân Lương		350.000.000	
34	Mua bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Canh Nậu		96.600.000	
35	Mua bàn ghế học sinh, giáo viên	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Canh Nậu		94.500.000	
36	Mua bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Tam Tiến		96.600.000	
37	Mua bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Tam Hiệp		96.600.000	
38	Mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Tiến Thắng		96.600.000	
39	Kinh phí mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học TT Phồn Xương		94.500.000	
40	Kinh phí mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Xuân Lương		96.600.000	
41	Sửa chữa nhà vệ sinh khu chính	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường Tiểu học Xuân Lương		30.000.000	
42	Lát nền 8 lớp học + chức năng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Tam Tiến		200.000.000	
43	Mua bàn ghế phòng hội đồng và bàn, ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường THCS Tam Tiến		99.740.000	
44	Mua bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Canh Nậu		34.800.000	
45	Lát nền 03 phòng học khu trung tâm	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Đồng Vương		60.000.000	
46	Kinh phí mua sắm bàn ghế học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Tam Tiến		95.700.000	
47	Mua tủ đựng chăn chiếu, tủ đựng đồ cá nhân cho học sinh	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Tam Hiệp		59.250.000	
48	Kinh phí mua sắm bàn ghế	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN TT Bồ Hạ		38.500.000	
49	Sửa chữa phòng học, chức năng, lát nền (7 phòng) + Sơn lại tường các phòng học	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN TT Bồ Hạ		9.358.000	
50	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Đồng Tâm	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trường MN Đồng Tâm		9.032.000	
51	kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Bồ Hạ (cũ) làm bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân F0 Covid-19 (131-15)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		500.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
52	Bổ sung cho Ban QLDA ĐTXD huyện kinh phí sửa chữa áo cá Bác Hồ, tổ dân phố Gia Lâm, thị trấn Bồ Hạ (283-15)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		3.000.000.000	
53	Dịch chuyển hệ thống đèn chiếu sáng QL17 thuộc địa phận thị trấn Phồn Xương (điểm đầu công Cầu Gò - điểm cuối hết Công ty May Yên Thế)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		400.000.000	
54	Kinh phí Cung cấp dịch vụ phần mềm họp trực tuyến cho các điểm cầu cấp xã, thị trấn năm 2020	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Văn phòng HĐND&UBND huyện		77.900.000	
E	CÁC KHOẢN TẶNG THU, TIẾT KIỆM CHI ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 59 CỦA LUẬT NSNN ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHO PHÉP SỬ DỤNG VÀO NĂM SAU				85.912.250.079	
I	Các khoản tặng thu				48.264.423.567	
1	Tặng thu tiền sử dụng đất năm 2021				45.796.221.430	
1.1	Các dự án do huyện quản lý				25.019.221.430	
-	Xây dựng đường tránh thị trấn Mỏ Trạng (đoạn từ QL 17 bán Châm đi trung tâm xã Tam Tiến)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		5.000.000.000	
-	Lắp dựng lan can bảo vệ, trang trí hồ sinh thái, hồ xối vật khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám; xây mương thoát nước sau hồ sinh thái; sau điện lực Yên Thế, thị trấn Phồn Xương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		4.000.000.000	
-	Nâng cấp mương tưới nước từ hồ Chín Suối đi Gia Bình; tuyến từ hồ Chín Suối đi cánh đồng Trại Mới thuộc thôn Trại Mới xã Đồng Hưu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.500.000.000	
-	Nhà Hiệu bộ trường MN Đồng Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.500.000.000	
-	Nhà Hiệu bộ trường TH Tiến Thắng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.000.000.000	
-	Quy hoạch vùng huyện Yên Thế	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		1.500.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (Đoạn QL17 Cổng Xây - Ngã ba Đồng Tâm) 3km	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		2.600.000.000	
-	Cải tạo nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		2.500.000.000	
-	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đồng Tâm - Hồng Kỳ (đoạn UBND xã Đồng Tâm đi xã Hồng Kỳ)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		5.123.000.000	
-	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, huyện Yên Thế	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Tài nguyên và MT		296.221.430	
1.2	Hỗ trợ ngân sách xã thực hiện đầu tư				20.777.000.000	
*	Hỗ trợ chi trả nợ XDCB					
-	Xã Đông Kỳ					
+	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đông Kỳ		2.000.000.000	
-	Xã Đồng Vương					
+	04 phòng học trường mầm non Đồng Vương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Vương		500.000.000	
-	Xã Tam Tiến					

A	B	1	2	3	4	5
+	Đường bê tông ra bãi Cam bản Mỏ Trạng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tam Tiến		56.000.000	
+	Đường trục xã từ ngã tư Quỳnh Lâu đi Hồ Tre - Hồ Vàng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tam Tiến		121.000.000	
*	Các dự án khởi công mới năm 2022					
-	Thị trấn Phồn Xương					
	Nhà văn hóa TDP Bà Ba	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND thị trấn Phồn Xương		2.000.000.000	
	Nhà văn hóa TDP Hoàng Hoa Thám	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND thị trấn Phồn Xương		2.000.000.000	
	Chỉnh trang vỉa hè đô thị	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND thị trấn Phồn Xương		1.000.000.000	
-	Xã Đồng Tiến					
	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Đồng Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Tiến		500.000.000	
	Ngầm ống Quỳnh bản Khe Ngọn và đường dẫn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Tiến		700.000.000	
-	Xã Hồng Kỳ					
	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Hồng Kỳ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Hồng Kỳ		500.000.000	
-	Xã Tiên Thắng					
	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tiên Thắng		500.000.000	
-	Xã Tam Tiến					
	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Tam Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tam Tiến		500.000.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tam Tiến - Tiên Thắng (đoạn Núi Bà xã Tam Tiến đi Hồ Luồng xã Tiên Thắng)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Tam Tiến		800.000.000	
-	UBND thị trấn Bồ Hạ					
	Sửa chữa nâng cấp Hội trường UBND thị trấn; Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND cũ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND TT Bồ Hạ		1.500.000.000	
	Chỉnh trang Di tích LS Đình Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND TT Bồ Hạ		800.000.000	
	Chỉnh trang vỉa hè đô thị	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND TT Bồ Hạ		1.000.000.000	
-	UBND xã Đồng Kỳ					
	Xây dựng tuyến đường từ HL 268 qua Trụ sở công an - thôn Đồng Tâm	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Kỳ		900.000.000	
	XD sân trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Kỳ		500.000.000	
-	Xã Đồng Hưu					

A	B	1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp Cầu Pác Phai	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đồng Hưu		1.200.000.000	
-	Xã Xuân Lương					
	XD ngầm bản Xoan (bản Xoan đi gốc đa)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Xuân Lương		700.000.000	
	XD ngầm bản Mỏ đi ông Kiểm	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Xuân Lương		700.000.000	
	XD ngầm bản Nam Cầu đi nghĩa địa	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Xuân Lương		500.000.000	
-	Xã Đông Sơn					
	Đường vào trường TH và Mầm non khu đồi lính xã Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đông Sơn		1.000.000.000	
	Đường vào trường TH và Mầm non khu đồi Hồng xã Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Đông Sơn		300.000.000	
-	Xã Hương Vĩ					
	Cổng, tường rào UBND xã	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Hương Vĩ		500.000.000	
2	30% tăng thu các khoản khác năm 2021 (không tính tăng thu tiền sử dụng đất)				2.468.202.137	
-	Cải tạo nhà 1 cửa cũ, xây mới phòng làm việc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND xã Canh Nậu		250.000.000	
-	Sửa chữa doanh trại phục vụ xây dựng đơn vị điểm đơn vị vững mạnh toàn diện "Mẫu mực tiêu biểu năm 2022"	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban CHQS huyện		200.000.000	
-	Kè chống sạt lở khu căn cứ chiến đấu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban CHQS huyện		320.000.000	
-	Kinh phí cải tạo màn hình LED cổng chào thị trấn Phồn Xương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	UBND thị trấn Phồn Xương		350.000.000	
-	Kinh phí phòng chống dịch	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			1.348.202.137	
II	Các khoản tiết kiệm chi				37.647.826.512	
1	Thu tiền sử dụng đất				14.799.671.359	
1.1	Năm trước chuyển sang				3.942.407.259	
-	Cấp GCN QSDĐ sau đo đạc; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các xã An Thượng, Tân Sỏi và thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng TN&MT		56.369.000	
-	Lập quy hoạch chi tiết dự án Khu thương mại dịch vụ kết hợp khu dân cư thôn Hoàng Long, xã Tân Hiệp (7933192)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		120.000.000	
-	Cấp GCN QSDĐ sau đo đạc; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các xã An Thượng, Tân Sỏi và thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng TN&MT		3.766.038.259	
1.2	Thu tiền sử dụng đất năm 2021				10.857.264.100	
*	Giải phóng mặt bằng, XD hạ tầng các xã, thị trấn để đấu giá QSD đất năm 2021				2.578.985.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Điểm dân cư thôn Công Châu xã Đồng Hưu	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trung tâm PTQĐ&QLTT GTXDMT		3.495.000	
-	Xây dựng khu dân cư thôn Hồi xã Phồn Xương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		59.075.000	
-	Khu dân cư xã Xuân Lương (trụ sở UBND xã Xuân Lương cũ) (7929819)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		850.000.000	
-	Đầu tư mở rộng trường trường mầm non Tam Tiến huyện Yên Thế (khu chính) (7929815)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		72.639.000	
-	Xây dựng 10 phòng trường THCS Đông Sơn (7916453)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.593.776.000	
*	Chi công tác quản lý đất đai				3.097.604.900	
-	Cấp GCN QSDĐ sau đo đạc; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các xã An Thượng, Tân Sỏi và thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Tài nguyên và MT		800.000.000	
-	Lập Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu giai đoạn 2021 - 2030, huyện Yên Thế	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Tài nguyên và MT		100.720.000	
-	Đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Tam Tiến	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Tài nguyên và MT		1.825.874.000	
-	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, huyện Yên Thế	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Tài nguyên và MT		371.010.900	
*	Chi phát triển KT-XH				5.180.674.200	
-	Khu dân cư trung tâm xã Xuân Lương, huyện Yên Thế (giai đoạn 2)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		30.904.000	
-	Khu liên hợp thể theo huyện Yên Thế (giai đoạn 2)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		57.672.000	
-	Khu liên hợp thể theo huyện Yên Thế (giai đoạn 3 xây dựng Sân vận động)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		296.778.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh UBND huyện (đoạn Công UBND huyện đi Tòa án)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.959.527.000	
-	Chỉnh trang vỉa hè thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.176.216.000	
-	Cải tạo trụ sở làm việc UBND thị trấn Cầu Gồ cũ làm Trụ sở Trung tâm VH-TT&TT huyện + Di chuyển trạm phát sóng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.000.000.000	
-	Khu xử lý rác thải xã Xuân Lương	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		562.618.000	
-	Xây dựng nhà xử lý rác thải thị trấn Bồ Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		96.959.200	
2	Tiết kiệm chi thường xuyên				22.848.155.153	
2.1	Tiết kiệm chi sự nghiệp giáo dục				6.410.603.100	
2.1.1	Bổ sung hỗ trợ xây dựng, sửa chữa, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia năm 2022				6.397.238.100	

A	B	1	2	3	4	5
a)	Trả nợ đọng các dự án XDCB đã quyết toán, chuyển tiếp				3.647.238.100	
-	Đầu tư xây dựng phòng học trường mầm non, tiểu học huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		2.000.000.000	
-	Xây mới 07 phòng học, phòng chức năng; bếp ăn một chiều trường mầm non An Thượng	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		200.000.000	
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học trường THCS Hương Vỹ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.000.000.000	
-	Mua sắm trang thiết bị các trường phục vụ trường chuẩn quốc gia năm 2022	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			447.238.100	
+	Trường MN Đồng Lạc				137.500.000	
	<i>Máy tính</i>	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	<i>Trường MN Đồng Lạc</i>		<i>137.500.000</i>	
+	Trường THCS Hương Vỹ				309.738.100	
	<i>Bảng từ các phòng chức năng</i>	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	<i>Trường THCS Hương Vỹ</i>		<i>39.000.000</i>	
	<i>Tivi các phòng chức năng</i>	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022		<i>75.000.000</i>		
	<i>Trang thiết bị phòng thư viện</i>	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022		<i>80.000.000</i>		
	<i>Thiết bị phòng truyền thống (Hệ thống tủ trưng bày, mô hình...)</i>	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022		<i>50.000.000</i>		
	<i>Trang thiết bị phòng thiết bị đồ dùng và nhà đa năng</i>	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022		<i>65.738.100</i>		
b)	Khởi công mới năm 2022	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022				2.750.000.000
-	Xây dựng 08 phòng học + phụ trợ trường mầm non Tam Tiến		Ban QLDA ĐTXD huyện		750.000.000	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + phòng chức năng + sân, công, tường rào, mương thoát nước trường THCS Đông Sơn	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.000.000.000	
-	Xây dựng 8 phòng học trường mầm non Đồng Lạc	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.000.000.000	
2.1.2	Chi các chế độ chính sách SNGD				13.365.000	
-	Chính sách hỗ trợ học sinh và trường Phổ thông ở xã, thôn ĐBK	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			13.365.000	
2.2	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại (Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại năm 2020 CN sang năm 2021 là 1.189.787.000 đồng; Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại 2021 là 1.150.970.303 đồng)				2.340.757.303	
-	Kinh phí sửa chữa áo cá Bác Hồ, tổ dân phố Gia Lâm, thị trấn Bó Hạ	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		2.000.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Kinh phí vận hành xe phun nước rửa đường	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Trung tâm Quỹ đất và QLTT GTXD, MT		340.757.303	
2.3	Tiết kiệm chi QLHC, Các sự nghiệp khác còn lại				4.054.021.750	
-	Kinh phí thực hiện KH chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước huyện Yên Thế năm 2022	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Phòng Văn hóa và Thông tin		2.000.000.000	
-	Xây dựng 12 phòng học, chức năng trường tiểu học Canh Nậu (Kinh phí đối ứng hỗ trợ AGRIBANK)	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Ban QLDA ĐTXD huyện		902.223.887	
-	Kinh phí xây dựng quỹ hỗ trợ Nông dân	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022	Hội Nông dân huyện		200.000.000	
-	Kinh phí dự kiến nguồn tăng lương, tăng biên chế, hoạt động phát sinh năm 2022	193/QĐ-UBND ngày 29/03/2022			800.000.000	
-	Kinh phí phòng chống dịch				151.797.863	
2.4	Kinh phí hết nhiệm vụ chỉ chuyển nguồn nộp trả ngân sách cấp trên				10.042.773.000	
2.4.1	Kinh phí chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Thu hoàn trả từ NS cấp xã 4702)				4.215.000	
2.4.2	Kinh phí Hỗ trợ hộ nghèo tiền điện				648.515.000	
2.4.3	Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa				6.209.780.000	
-	Kinh phí thực xây dựng các mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa bền vững; Kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác khuyến nông, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp				4.943.556.000	
-	Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 2020				1.051.049.000	
-	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm thôn Cà Ngo; trạm bơm thôn Đồi Hồng (Ban QLDA 283-12)				202.793.000	
-	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa thôn Đền, xã Đồng Lạc (Ban QLDA 283-12)				11.714.000	
-	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa Tân An, thôn Tân Mai, xã Tân Sỏi (Ban QLDA 283-12)				668.000	
2.4.4	Chỉ các chế độ chính sách SNGD				3.180.263.000	
-	Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, HS, SV DTTS rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP				2.226.000	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo TTLT số 42/2013/TTLT				736.280.000	
-	Chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non theo NĐ 105/2020/NĐ-CP				1.914.255.000	
-	Chính sách học bổng đối với học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư Liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT				527.502.000	